|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ****TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG** |  |

**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 955 /QĐ-ĐHYTCC ngày 30 / 10 / 2020)*

**PHẦN A: THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG**

1. **Tên chương trình:** Chương trình đào tạo thạc sỹ Y tế công cộng
2. **Trường/đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Y tế công cộng
3. **Cơ sở tổ chức giảng dạy:** Trường Đại học Y tế công cộng
4. **Tổ chức kiểm định chất lượng chương trình:** Chương trình đào tạo được Bộ Giáo dục và đại học thẩm định.
5. **Tên gọi của văn bằng:** Thạc sỹ Y tế công cộng
6. **Chuyên ngành:** Y tế công cộng
7. **Tiêu chí tuyển sinh/các yêu cầu đầu vào:**
8. Yêu cầu về văn bằng:
	* Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng: ngành Y tế công cộng.
	* Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần (những ngành thuộc khối ngành sức khỏe, trừ ngành Y tế công cộng) và ngành khác (những ngành còn lại trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017) phải có chứng chỉ chương trình bổ túc kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự thi tuyển sinh.
9. Yêu cầu về thâm niên công tác:
	* Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành gần có bằng loại Khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.
	* Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành gần không có bằng tốt nghiệp loại Khá trở lên phải có tối thiểu 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế tính đến ngày dự thi tuyển sinh.
	* Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Y tế tính đến ngày dự thi tuyển sinh.
10. Có đủ sức khoẻ để học tập.
11. Môn thi tuyển:
	* Toán Thống kê
	* Dịch tễ - Sức khỏe Môi trường
	* Tiếng Anh
12. **Mô tả môn học và kế hoạch học tập:**
13. Năm thứ nhất: Học viên hoàn thành các môn học lý thuyết: **43 TC**

### Chương trình chi tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **MÔN HỌC** | **Mã môn học** | **Số TC** |
|  | **Nghiên cứu** | **Ứng dụng** |
| **Môn học chung** | **6** | **6** |
| 1 | **Triết học:** Cung cấp các kiến thức cơ bản về triết học nói chung và chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu y tế công cộng và phân tích các vấn đề xã hội. | 800100104 | 4 | 4 |
| 2 | **Tiếng Anh:** Cung cấp các kiến thức và 4 kỹ năng thực hành (nghe, nói, đọc, viết) về tiếng Anh thông dụng (như các chủ đề về gia đình, công việc, sở thích...). Đọc hiểu tài liệu về các chủ đề y tế thông dụng và y tế công cộng. | 800100202 | 2 | 2 |
| **Môn cơ sở và môn chuyên ngành** |  |  |
| 1 | **Dịch tễ học cơ bản:** Mô tả đặc điểm cơ bản và ứng dụng của DTH mô tả và DTH phân tích, các phương pháp nghiên cứu DTH; xác định được sai số, nhiễu và phương pháp kiểm soát nhiễu và sai số; mô tả được hệ thống giám sát DTH. | 800100302 | 2 | 2 |
| 2 | **Thống kê y tế:** Cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê y tế, áp dụng các phương pháp thống kê trong thu thập, trình bày và phân tích và phiên giải số liệu trong nghiên cứu y tế công cộng. Cung cấp kỹ năng sử dụng phần mềm thống kê trong phân tích số liệu. | 800100403 | 3 | 3 |
| 3 | **Quản lý y tế:** Mô tả các nội dung về Kế hoạch chiến lược Y tế và tầm nhìn đến năm 2010. Mô tả hệ thống tổ chức y tế, các chức năng và nội dung quản lý, phân tích các bước của chu trình lập kế hoạch, xây dựng kế hoạch cho chương trình/dự án, xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát chương trình, dự án. | 800100503 | 3 | 3 |
| 4 | **Sức khoẻ môi trường:** Giải thích các khái niệm cơ bản về sức khoẻ môi trường và phương pháp đánh giá sức khoẻ môi trường; xác định các vấn đề về môi trường hiện tại và tương lai ở Việt Nam, khu vực và trên thế giới; Mô tả bệnh tật liên quan đến môi trường và phân tích mối liên quan giữa sức khoẻ với sự phát triển kinh tế và các vấn đề môi trường. | 800100602 | 2 | 2 |
| 5 | **Giáo dục và nâng cao sức khoẻ:** Cung cấp khái niệm cơ bản về giáo dục và nâng cao sức khoẻ; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khoẻ; các cách tiếp cận để nâng cao sức khoẻ và mô hình thay đổi hành vi; các phương pháp và kỹ năng truyền thông, giáo dục; thiết kế chương trình/ dự án nâng cao sức khoẻ. | 800100702 | 2 | 2 |
| 6 | **Chính sách y tế:** Cung cấp một số nội dung cơ bản và khung khái niệm trong phân tích chính sách y tế. Phân tích vai trò của thông tin, Nhà nước, các nhóm lợi ích, các tổ chức quốc tế trong xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách y tế. Đồng thời thảo luận về một số vấn đề về chính sách y tế của Việt Nam. | 800100803 | 3 | 3 |
| 7 | **Phương pháp nghiên cứu định tính:** Môn học cung cấp cho học viên cách thiết kế được một nghiên cứu định tính phù hợp với vấn đề sức khỏe đã xác định, phát triển được kế hoạch chọn mẫu phù hợp. Học viên cũng được hướng dẫn các phương pháp thu thập số liệu định tính bao gồm phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và quan sát, mô tả được qui trình phân tích và trình bày được số liệu định tính và viết được đề cương nghiên cứu định tính  | 800100902 | 2 | 2 |
| 8 | **Phương pháp nghiên cứu định lượng:** Môn học sẽ cung cấp cho học viên phương pháp để thiết kế các nghiên cứu khoa học, cũng như xác định những hạn chế của các nghiên cứu. Đầu ra của khóa học là một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh cho một chủ đề nhất định của nhóm học viên | 800101002 | 2 | 2 |
| **Môn học tự chọn** *(chọn số môn học tối thiểu tương đương 18 TC trong số các môn học dưới đây)**Định hướng ứng dụng:**Học viên bắt buộc phải chọn 3 môn sau:*Quản lý dự án (3 TC)Quản lý Nguồn nhân lực (3 TC)Hệ thống thông tin quản lý sức khoẻ (3 TC)*Định hướng nghiên cứu\_chung:**Học viên bắt buộc phải chọn 3 môn sau:*Dịch tễ Thống kê nâng cao (4 TC) Phương pháp nghiên cứu kết hợp (3 TC)Phương pháp định tính nâng cao (3 TC)*Định hướng nghiên cứu Đánh giá công nghệ y tế:**Học viên bắt buộc phải chọn các môn sau:*Dịch tễ Thống kê nâng cao (4 TC) Phương pháp nghiên cứu kết hợp (3 TC)Đại Cương về kinh tế học và kinh tế y tế (2TC)Tài chính y tế và bảo hiểm y tế (2 TC)Đánh giá công nghệ y tế cơ bản (4TC)Đánh giá công nghệ y tế nâng cao (4TC)*Định hướng nghiên cứu Kinh tế Y tế:**Học viên bắt buộc phải chọn 3 môn sau:*Đại cương về kinh tế học và Kinh tế y tế (3TC)Tài chính y tế (3TC)Đánh giá kinh tế y tế (4TC)*Định hướng nghiên cứu Phòng chống Tai nạn thương tích:**Học viên bắt buộc phải chọn 3 môn sau:*Gánh nặng bệnh tật do TNTT (3TC)Phương pháp thu thập và sử dụng số liệu TNTT (3TC)Thiết kế và đánh giá can thiệp phòng chống TNTT (3TC)*Định hướng nghiên cứu Sức khỏe môi trường**Học viên bắt buộc chọn 3 môn sau:*Đánh giá và quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường (3TC)Biến đổi khí hậu và Sức khỏe (3TC)Giám sát vệ sinh chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt (3TC)**Mỗi năm học, Nhà Trường cung cấp 15 môn học trong danh mục các môn học tự chọn cho mỗi định hướng.** | **18** | **18** |
|  | **Trình bày và truy cập thông tin** (bao gồm quản lý tài liệu tham khảo bằng phần mềm ENDNOTE): Hướng dẫn tìm kiếm thông tin trên internet và chuẩn bị bài trình bày trên powerpoint. Học viên sẽ được làm quen với phần mềm quản lý tài liệu tham khảo và kỹ năng viết một bài báo khoa học. | 800102703 | 3 | 3 |
|  | **Phục hồi chức năng:** Học viên sẽ được giới thiệu Chiến lược quốc gia về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (PHCNDVCĐ); tầm quan trọng và nhiệm vụ của PHCNDVCĐ; những nguyên nhân gây nên tàn tật và áp dụng những biện pháp phòng ngừa thích hợp; xây dựng kế hoạch theo dõi và giám sát chương trình PHCNDVCĐ. | 800103703 | 3 | 3 |
|  | **Sức khỏe nghề nghiệp:** Cung cấp các khái niệm cơ bản về an toàn nghề nghiệp, áp dụng nguyên tắc quản lý nguy cơ để bảo vệ người lao động khỏi những mối nguy hại tại nơi làm việc; phát triển những phương pháp kiểm soát nhằm hạn chế hoặc giảm nguy cơ đối với người lao động ở những ngành nghề khác nhau; phát triển những chương trình quản lý và nâng cao sức khoẻ nghề nghiệp. | 800103103 | 3 | 3 |
|  | **Quản lý nguồn nhân lực:** Môn học sẽ cung cấp một cách hệ thống các kiến thức và kỹ năng về quản lý nhân lực, bao gồm các khái niệm, các chức năng của quản lý nhân lực và các phương thức lập kế hoạch phát triển nhân lực cho một tổ chức, sử dụng hiệu quả nhân lực, đánh giá năng lực, động viên, khen thưởng và phát triển nguồn nhân lực. | 800101103 | 3 | 3 |
|  | **Dân số và phát triển:** Cung cấp các vấn đề cơ bản về dân số trên toàn cầu và những yếu tố chính tác động đến khuynh hướng phát triển dân số; phân tích những điểm mạnh và yếu của nguồn số liệu dân số; áp dụng những phương pháp dân số học cơ bản và các chỉ số về dân số học, mối liên quan giữa dân số và phát triển. Cung cấp những vấn đề chính về dân số Việt Nam dựa trên các số liệu và chính sách dân số. Hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu POPLINE.  | 800102803 | 3 | 3 |
|  | **Dinh dưỡng/ Vệ sinh an toàn thực phẩm:** Môn học cung cấp nội dung về các vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm hiện nay ở Việt Nam, một số phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng (nhân trắc học, khẩu phần ăn) và phương pháp phát hiện, xử trí ô nhiễm, ngộ độc thực phẩm tại cộng đồng. | 800103203 | 3 | 3 |
|  | **Bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em (BVSKBMTE):** Áp dụng những kỹ thuật về dịch tễ học để xác định những vấn đề sức khoẻ của phụ nữ, trẻ em trên thế giới và Việt Nam; đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ bà mẹ và trẻ em; cung cấp và phân tích những nội dung của chương trình BVSKBMTE và kế hoạch hoá gia đình; phân tích một vấn đề SKBMTE cụ thể và phát triển một kế hoạch triển khai, theo dõi đánh giá chương trình. | 800102903 | 3 | 3 |
|  | **Hệ thống thông tin quản lý sức khoẻ:** Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin Y tế, các công cụ, phương pháp, số liệu và các nguồn thông tin giúp cho việc sử dụng thông tin hiệu quả cũng như hỗ trợ cho quá trình lập kế hoạch dựa trên bằng chứng. Đây là một môn học cần thiết trong chương trình y tế công cộng, môn học sẽ giúp cho học viên có cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin y tế, tầm quan trọng của thông tin y tế cho việc ra quyết định và hoạch định chính sách trong hệ thống y tế. | 800101903 | 3 | 3 |
|  | **Truyền thông chính sách y tế:** Môn học nhằm giúp học viên có những kiến thức và kỹ năng về lựa chọn thông tin và các cách thức truyền tải các kết quả nghiên cứu có ảnh hưởng tới chính sách y tế đến các nhà quản lý và lập chính sách một cách hiệu quả. | 800101203 | 3 | 3 |
|  | **Quản lý dự án:** Môn học giải thích các khái niệm chung về quản lý dự án, mô tả và các bước trong qui trình thiết kế dự án như xây dựng mô hình và các phương pháp triển khai dự án, nội dung thẩm định dự án, tổ chức nhân lực thực hiện dự án, lập kế hoạch tài chính dự án, các công việc cần thiết để viết báo cáo và đóng dự án…  | 800101303 | 3 | 3 |
|  | **Phòng chống chấn thương:** Đây là một môn học tự chọn với mục tiêu cung cấp cho các học viên các kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho các hoạt động phòng chống chấn thương. Môn học này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về dịch tễ học chấn thương, các phương pháp nghiên cứu, đánh giá chấn thương cũng như các phương pháp xây dựng chiến lược, kế hoạch phòng chống chấn thương. Môn học được thiết kế dựa trên các kiến thức cập nhật trên thế giới lồng ghép với các số liệu, hoạt động thực tế. Phương pháp giảng dạy chủ động kết hợp lý thuyết, thực hành và các bài tập tình huống thực tế ở Việt Nam. | 800102003 | 3 | 3 |
|  | **Phòng chống HIV/AIDS:** Môn học giúp học viên trình bày được những nét khái quát về dịch tễ học HIV/AIDS, mô tả được hệ thống tổ chức về phòng chống và kiểm soát HIV/AIDS tại Việt Nam và trình bày được kế hoạch chiến lược và các phương pháp triển khai các hoạt động can thiệp chính trong chương trình phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam. | 800101403 | 3 | 3 |
|  | **Tiếp thị xã hội:** Môn học sẽ giới thiệu về tiếp thị xã hội; Nghiên cứu ban đầu làm cơ sở thực hiện chương trình tiếp thị; Hỗn hợp tiếp thị xã hội và Lập kế hoạch và triển khai chương trình tiếp thị. Môn học sẽ được tiến hành theo phương pháp dạy học tích cực với hoạt động thuyết trình của giảng viên lồng ghép thích hợp các hoạt động của học viên. | 800103003 | 3 | 3 |
|  | **Dịch tễ- thống kê nâng cao:** Môn học có mục tiêu phát triển kỹ năng thực hành và áp dụng kiến thức thống kê trong việc xử lý và phân tích số liệu điều tra. Môn học còn cung cấp cho học viên thêm một số kỹ năng phân tích nâng cao như: xây dựng mô hình hồi quy đa biến, các phân tích dịch tễ học, … môn học được thiết kế lồng ghép học lý thuyết kết hợp thực hành trên máy tính và dựa trên các bộ số liệu điều tra thực tế trên cộng đồng. | 800102104 | 4 |  |
|  | **Phương pháp nghiên cứu kết hợp:** Môn học sẽ cung cấp một số kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc quyết định lựa chọn các mô hình nghiên cứu kết hợp phù hợp để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu, đảm bảo việc triển khai thu thập số liệu, chiến lược phân tích và viết báo cáo phù hợp với mô hình nghiên cứu kết hợp đã lựa chọn. | 800102203 | 3 |  |
|  | **Phương pháp định tính nâng cao:** Môn học cung cấp cho học viên kiến thức tổng hợp về phương pháp luận nghiên cứu định tính, giúp học viên phân biệt và ứng dụng các thiết kế định tính khác nhau. Đồng thời, các kỹ năng thu thập số liệu định tính như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trọng tâm, và quan sát của học viên sẽ được củng cố thông qua các bài thực hành của môn học. Đặc biệt, môn học tập trung vào việc nâng cao kĩ năng phân tích số liệu, viết và trình bày báo cáo định tính cho học viên.  | 800102303 | 3 |  |
|  | **Quản lý y tế công cộng trong thảm họa:** Môn học sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý thảm họa nhằm nâng cao năng lực quản lý thảm họa của cán bộ y tế, góp phần giảm thiểu tác hại do thảm họa gây ra, bảo vệ sức khỏe của cộng đồng bị ảnh hưởng của thảm họa và của nhân dân nói chung. | 800103303 | 3 | 3 |
|  | **Đại cương về kinh tế học và kinh tế y tế:** Môn học có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết nền tảng về kinh tế học và kinh tế y tế. Với các kiến thức và kĩ năng thu được từ môn học, học viên có khả năng giải thích được các khái niệm cơ bản của kinh tế học, phân tích được vai trò của các yếu tố kinh tế và nghiên cứu kinh tế và tài chính y tế trong quá trình hoạch định chính sách y tế, giải thích được kinh tế y tế có thể kết hợp với các lĩnh vực khác như thống kê y tế, dịch tễ học, khoa học xã hội, quản lý y tế, chính sách y tế…trong việc giải quyết các vấn đề y tế công cộng. | 800101503 | 3 | 3 |
|  | **Tài chính y tế:** Môn học đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các khái niệm cơ bản về tài chính y tế và quản lý tài chính y tế. Với các kiến thức được trang bị từ môn học, học viên có thể phân tích được các chức năng cơ bản của hệ thống tài chính y tế, các tiêu chí đánh giá hệ thống tài chính y tế, đặc điểm của các mô hình tài chính trên thế giới và tại Việt Nam, và ảnh hưởng của các phương thức thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ đến các vấn đề công bằng, chất lượng và hiệu quả. | 800101603 | 3 | 3 |
|  | **Đánh giá kinh tế y tế:** Môn học có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết và thực hành các phương pháp đánh giá kinh tế y tế, các bước thực hiện nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế, phương pháp đo lường chi phí và hiệu quả, các kỹ thuật mô hình hóa, phân tích độ nhạy và tính không chắc chắn… Với các kiến thức và kĩ năng được trang bị từ môn học này, học viên có khả năng tham gia thiết kế nghiên cứu, thu thập số liệu, áp dụng kĩ thuật mô hình hóa, phiên giải và trình bày được các kết quả của các nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế. | 800101704 | 4 | 4 |
|  | **Đánh giá và quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường (SKMT):** Đánh giá nguy cơ SKMT giúp đưa ra các thông tin thực tế và khoa học nhất về các nguy cơ sức khoẻ để định hướng công tác truyền thông nguy cơ và để các nhà quản lý xem xét đưa ra các quyết định quản lý nguy cơ SKMT nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học sẽ góp phần đáp ứng một số chuẩn đầu ra của ThS.YTCC định hướng SKMT. Mục tiêu của môn học nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể hiểu và áp dụng phương pháp đánh giá nguy cơ SKMT trong thực tế, góp phần truyền thông và quản lý nguy cơ SKMT dựa trên bằng chứng. | 800103403 | 3 | 3 |
|  | **Biến đổi khí hậu và sức khỏe:** Biến đổi khí hậu được xem là một thách thức ở quy mô toàn cầu và Việt Nam được đánh giá là một trong 5 quốc gia dễ bị tổn thương nhất dưới tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng. Khoá học sẽ góp phần đáp ứng một số chuẩn đầu ra của Ths. YTCC định hướng SKMT. Mục tiêu của khoá học nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên áp dụng cách tiếp cận liên ngành để xác định, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành y tế cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu ở các cấp. | 800103503 | 3 | 3 |
|  | **Giám sát vệ sinh, chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt**: Giám sát vệ sinh, chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt là một năng lực thiết yếu của cán bộ công tác trong lĩnh vực SKMT. Môn học sẽ góp phần đáp ứng một số chuẩn đầu ra của Ths. YTCC định hướng SKMT thông qua việc cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về giám sát vệ sinh, chất lượng nước ăn uống và sinh hoạt theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam. Ngoài ra môn học cũng cung cấp kiến thức và kỹ năng để phiên giải, tham vấn, chia sẻ các kết quả về chất lượng nước tới các bên liên quan. | 800103603 | 3 | 3 |
|  | **An toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế:** Môn học nhằm củng cố và trang bị cho học viên những thông tin kiến thức, kỹ năng cơ bản, cập nhật về an toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế,có khả năng phát hiện các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động và góp phần bảo vệ sức khỏe cho đội ngũ cán bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân | 800104103 | 3 | 3 |
|  | **Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái:** Nội dung của môn học nhằm giới thiệu các kiến thức cơ bản về cách tiếp cận Một sức khỏe (One health) trong nghiên cứu các vấn đề sức khoẻ; cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng bao gồm các phương pháp tiếp cận liên ngành và các lý thuyết cơ bản về Một sức khỏe. Thông qua môn học này, học viên sẽ được trang bị các khái niệm cơ bản và các năng lực cốt lõi về Một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề sức khỏe trong hệ sinh thái và đề xuất hướng giải quyết với sự tham gia của các bên liên quan (VD: y tế, thú y, môi trường và các ngành khác) | 800104203 | 3 | 3 |
|  | **Đánh giá công nghệ y tế cơ bản:** có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết cơ bản và thực hành lựa chọn phương pháp đánh giá công nghệ y tế, các bước thực hiện nghiên cứu đánh giá công nghệ y tế, các kỹ thuật tổng quan tài liệu (literature review), tổng quan hệ thống (systematic review), phân tích gộp (meta-analysis), phương pháp đo lường chi phí cho chương trình can thiệp hay dịch vụ y tế cụ thể, phương pháp đo lường hiệu quả cho chương trình can thiệp hay dịch vụ y tế cụ thể,.. Với các kiến thức và kĩ năng được trang bị từ môn học này, học viên có khả năng tham gia thiết kế nghiên cứu, thu thập số liệu, chuẩn bị các bước tiếp theo cho nghiên cứu đánh giá công nghệ y tế. | 800104304 | 4 |  |
|  | **Đánh giá công nghệ y tế nâng cao:** có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết và thực hành các phương pháp nâng cao trong đánh giá công nghệ y tế, các kỹ thuật mô hình hóa, phân tích độ nhạy và tính không chắc chắn, phiên giải và trình bày kết quả của nghiên cứu theo các hướng dẫn chuyên biệt cho kỹ thuật đánh giá công nghệ y tế. | 800104404 | 4 |  |
|  | **Tài chính y tế – Bảo hiểm y tế:** đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các khái niệm cơ bản về tài chính y tế và bảo hiểm y tế. Với các kiến thức được trang bị từ môn học này, học viên có thể phân tích được các chức năng cơ bản của hệ thống tài chính y tế; các tiêu chí đánh giá hệ thống tài chính y tế; đặc điểm của các nguồn tài chính; nguyên lý của bảo hiểm y tế; cách thức xây dựng gói quyền lợi bảo hiểm y tế; ảnh hưởng của các phương thức thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ y tế... | 800104502 | 2 |  |
|  | **Kinh tế và tài chính y tế:** Môn học này nhằm giải thích một số khái niệm cơ bản trong kinh tế, sử dụng đánh giá kinh tế trong giải quyết các vấn đề y tế; mô tả các khía cạnh khác nhau của kinh tế trong kế hoạch y tế. | 800101803 | 3 | 3 |
|  | **Phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật:** Việc hiểu phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật, sử dụng chỉ số DALY sẽ giúp cho học viên có thể phiên giải đúng cũng như sử dụng bằng chứng từ nghiên cứu đo lường gánh nặng bệnh tật hữu hiệu trong quá trình thiết lập ưu tiên trong nghiên cứu cũng như phân bổ nguồn lực cho các can thiệp đối với các vấn đề sức khỏe nói chung | 800104703 | 3 | 3 |
|  | **Gánh nặng bệnh tật do tai nạn thương tích (TNTT):** Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật, và đánh giá các yếu tố nguy cơ của TNTT. Các nội dung cụ thể sẽ bao gồm các thuật ngữ, định nghĩa, các gánh nặng bệnh tật và tử vong, các yếu tố nguy cơ của TNTT và tầm quan trọng của phòng chống TNTT. | 800102403 | 3 | 3 |
|  | **Phương pháp thu thập và sử dụng số liệu TNTT:** Môn học sẽ giới thiệu các phương pháp thu thập số liệu về gánh nặng, yếu tố nguy cơ, hậu quả và hiệu quả của các giải pháp can thiệp phòng chống tai nạn thương tích. Các phương pháp thu thập số liệu bao gồm thu thập số liệu sơ cấp, thứ cấp, hệ thống giám sát tai nạn thương tích.  | 800102503 | 3 | 3 |
|  | **Thiết kế và đánh giá can thiệp phòng chống TNTT:** Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế, triển khai và đánh giá các can thiệp phòng chống TNTT. Nội dung và tài liệu của môn học bao gồm các kiến thức, kỹ năng được đúc kết từ các chương trình can thiệp có hiệu quả trên thế giới cũng như kinh nghiệm thực tế ở Việt nam | 800102603 | 3 | 3 |
|  | **Luận văn tốt nghiệp (Thực địa)**: Mỗi học viên thực hiện 1 nghiên cứu độc lập trong vòng 10 tháng. Đối với Định hướng, Đánh giá công nghệ y tế, KTYT, PCTNTT, SKMT cần có nội dung luận văn về đúng KTYT hoặc PCTNTT hoặc SKMT | 800104017 | 17 | 17 |

**TỔNG CỘNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: 60 TÍN CHỈ**

1. **Thời gian đào tạo:**  Tối thiểu 18 tháng, tối đa 42 tháng kể từ ngày trúng tuyển
2. **Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt:**
	* Có hệ thống thư viện hiện đại, với nhiều đầu sách
	* Có bố trí phòng học chung tại C 102 để học viên có thể tự học
	* Có hệ thống wifi miễn phí dành cho sinh viên truy cập internet phục vụ tra cứu tài liệu học tập
	* Có hệ thống ký túc xá dành cho học viên đến từ các tỉnh khác.
	* Có không gian vui chơi thể thao: sân bóng chuyền, bóng rổ trong khuôn viên nhà trường.

**PHẦN B: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH, CHUẨN ĐẦU RA, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ.**

1. **Mục tiêu chương trình**

Sau khi hoàn thành chương trình cao học y tế công cộng, học viên có thể ứng dụng các kiến thức cơ bản về y tế công cộng và có khả năng:

1. Thực hiện các nghiên cứu nhằm phát hiện những vấn đề YTCC và cung cấp các bằng chứng chính xác cho các nhà quản lý và lập chính sách.
2. Lập kế hoạch và quản lý các chương trình, dự án can thiệp y tế công cộng.
3. Phối hợp liên ngành và huy động cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề YTCC
4. Giám sát, đánh giá hiệu quả của các giải pháp trong việc giải quyết các vấn đề YTCC.
5. Phân tích, phiên giải, xây dựng chính sách và vận động các chính sách y tế dựa trên bằng chứng.
6. Truyền thông hiệu quả và phù hợp với bối cảnh, văn hóa các vấn đề y tế công công hiện hành, mới nảy sinh, và các giải pháp can thiệp.
7. Nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực y tế công cộng liên tục và bền vững
8. **Chuẩn đầu ra**

***Định hướng nghiên cứu***

* + - 1. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của y tế công cộng, bao gồm thống kê-dịch tễ nâng cao, sức khoẻ môi trường, khoa học hành vi,quản lý y tếvà chính sách y tế.
			2. Hiểu biết các cấu phần cơ bản của hệ thống y tế Việt Nam.
			3. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe.
			4. Áp dụng các kỹ năng quản lýtrong lập kế hoạch và triển khai nghiên cứu.
			5. Xây dựng và thực hiện các nghiên cứu với các thiết kế khác nhau nhằm cung cấp các bằng chứng khoa học cho các bên liên quan trong quá trình giải quyết các vấn đề sức khoẻ.
			6. Tổng hợp và chuyển tải các kết quả nghiên cứu một cách hiệu quả tới các bên liên quan khác nhau.
			7. Tham gia xây dựng và đánh giả chính sách y tế để giải quyết vấn đề sức khỏe.
			8. Vận động cộng đồng và các bên liên quan tham gia một cách chủ động vào giải quyết các vấn đề sức khỏe dựa trên tiếp cận đa ngành.
			9. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm …) trong thực hiện công việc.
			10. Chứng tỏ khả năng tự học cũng như khuyến khích, tạo ảnh hưởng tới đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.

***Định hướng ứng dụng:***

1. Hiểu biết những kiến thức cốt lõi của y tế công cộng, bao gồm thống kê-dịch tễ cơ bản, sức khoẻ môi trường, quản lý y tế, nâng cao sức khỏe/khoa học hành vi và chính sách y tế.
2. Hiểu biết các cấu phần cơ bản của hệ thống y tế Việt Nam.
3. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe.
4. Áp dụng các kỹ năng quản lý để quản lý tổ chức và giải quyết vấn đề sức khỏe.
5. Xây dựng và thực hiện các nghiên cứu với các thiết kế cơ bản nhằm cung cấp các bằng chứng khoa học ứng dụng trong giải quyết công việc của đơn vị/tổ chức.
6. Sử dụng các bằng chứng trong quá trình ra quyết định, vận động cộng đồng và các bên liên quan, xây dựng, thực thi chính sách y tế.
7. Tham gia xây dựng chính sách y tế để phát triển tổ chức và giải quyết các vấn đề sức khỏe.
8. Vận động cộng đồng và các bên liên quan tham gia một cách chủ động vào giải quyết các vấn đề sức khỏe dựa trên tiếp cận đa ngành.
9. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, lãnh đạo, làm việc nhóm …) trong thực hiện công việc.
10. Chứng tỏ khả năng tự học cũng như khuyến khích, tạo ảnh hưởng tới đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.
	* + Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá:Tùy theo từng môn học cụ thể, giảng viên có thể kết hợp các phương pháp giảng dạy/học tập tích cực như thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề (Scenario – Based learning), bài tập cá nhân, bài tập nhóm để trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên ngành cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề).
		+ Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức như:
	1. Với các học phần lý thuyết: kiểm tra quá trình, đánh giá chuyên cần, thi hết học phần (với các hình thức câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi ngắn, bài tập nhóm, trình bày kết quả thảo luận, kết quả bài tập cá nhân,..)
	2. Với cấu phần thực địa và bảo vệ luận văn: trình bày, trả lời câu hỏi với các hội đồng đề cương, giám sát và bảo vệ luận văn,...

 **PHẦN C: CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH**

CTĐT được thiết kế với 60 TC, bao gồm các nhóm môn học sau:

1. Nhóm các môn chung (6TC-10%): bao gồm Triết học hướng cho người học khả năng tư duy độc lập, lập luận một cách logic có khả năng tư duy phản biện và và tiếng anh giúp cho người học có khả năng tiếp cận với kiến thức khoa học cập nhật và hiện đại trên thế giới. Đáp ứng các chuẩn đầu ra 9,10 (chung cho cả 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng).
2. Nhóm các môn bắt buộc: 19TC - 31,7%
	1. Các môn cơ sở (4TC): giúp cho người học có kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học thường được ứng dụng trong nghiên cứu YTCC (Phương pháp nghiên cứu định lượng và Phương pháp nghiên cứu định tính. Đáp ứng các chuẩn đầu ra 1,3,5,6,9,10 (định hướng nghiên cứu) và các chuẩn 1,3, 5,6,9,10 (định hướng ứng dụng).
	2. Các môn chuyên ngành (15TC): nhóm môn học này giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng theo các nhóm năng lực cốt lõi của Y tế công cộng (bao gồm: dịch tễ, thống kê, sức khỏe môi trường và nghề nghiệp, quản lý và chính sách y tế và giáo dục và nâng cao sức khỏe. Đáp ứng các chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 (cả định hướng nghiên cứu và ứng dụng).
3. Nhóm các môn tự chọn: 18TC – 30%
	1. Môn học cơ sở: môn Trình bày và truy cập thông tin (3TC) giúp cho người học có kỹ năng cơ bản về tìm kiếm và trình bày thông tin phục vụ cho nghiên cứu khoa học. Đáp ứng các chuẩn đầu ra 9,10.
	2. Môn chuyên ngành bao gồm các môn học liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của YTCC như: Phòng chống HIV/AIDS, Phục hồi chức năng, Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn thực phẩm, Phòng chống TNTT, Sức khoẻ môi trường … Các môn học này giúp người học có kiến thức và kỹ năng toàn diện theo các năng lực cốt lõi của YTCC.

Mỗi SV chọn tối thiểu 18 TC – 30% (bao gồm cả các môn cơ sở và môn chuyên ngành). Đáp ứng các chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 (cả định hướng nghiên cứu và ứng dụng).

1. Luận văn (bài tập thực địa): 17 TC bắt buộc (28,3%) giúp người học được thực hành toàn bộ các kiến thức và kỹ năng được học để xác định một vấn đề sức khỏe, thiết kế nghiên cứu và triển khai nghiên cứu trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp YTCC nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng. Người học phải trải qua các giai đoạn giám sát và bảo vệ luận văn trước Hội đồng quốc gia. Nhóm môn học này hướng đến các chuẩn 1,2,3,5,6,7,9,10 (định hướng nghiên cứu) và 1,2,3,5,6,9,10 (định hướng ứng dụng).

**PHẦN D: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ**

1. **Thang điểm đánh giá:**
* Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,…) sử dụng thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.
* Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B, C, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

**Bảng 1: Thang điểm đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thang điểm 10***(Điểm thành phần)* | **Thang điểm 4***(Điểm chính thức)* |
| *Điểm chữ* | *Điểm số* |
| Đạt \* | 8,5 – 10 | A | 4 |
| 7,0 - 8,4 | B | 3 |
| 5,5 – 6,9 | C | 2 |
| 4,0 – 5,4 | D | 1 |
| Không đạt | < 4,0 | F | 0 |

*(\* Riêng đối với luận văn/luận án tốt nghiệp: phải đạt từ 5,0 trở lên mới được coi là đạt)*

1. **Đánh giá kết quả học tập môn học:**

 Việc đánh giá kết quả học tập (số lượng các điểm thành phần, phương thức đánh giá cho từng loại điểm thành phần (đánh giá quá trình, chuyên cần và thi hết học phần,...) được quy định trong đề cương chi tiết môn học. Điểm thành phần là các cột điểm thuộc một trong số các dạng đánh giá sau:

* + - Đánh giá các học phần lý thuyết:
	+ Các điểm đánh giá quá trình: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên khi kết thúc 1 tín chỉ của môn học;
	+ Điểm chuyên cần: Mức độ đi học đầy đủ (≥80% thời lượng của môn học), tích cực tham gia của sinh viên trong các nội dung hoạt động trên lớp của môn học;
	+ Điểm đánh giá hết học phần: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên khi kết thúc học phần. Điểm tổng kết học phần là trung bình có trọng số của các điểm thành phần. Học phần được xem là đạt nếu SV có điểm tổng kết 4/10 trở lên.
		- Đánh giá quá trình làm luận văn: là các lần giám sát ý tưởng nghiên cứu; bảo vệ đề cương nghiên cứu được hội đồng thông qua.
		- Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp từ 5,5 điểm được coi là đạt (điểm trung bình chung của các thành viên hội đồng chấm trong buổi bảo vệ luận văn).
1. **Điều kiện tốt nghiệp:**
	* + Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chư­ơng trình đào tạo (Hoàn thành đủ tối thiểu 60 tín chỉ, bao gồm cả luận văn tốt nghiệp)
		+ Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: trình độ B1 (khung châu Âu)
		+ Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lênhoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
		+ Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020***KT. HIỆU TRƯỞNG****PHÓ HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thanh Hà** |